

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP



BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ
QUÝ III NĂM 2026

ĐƠN VỊ BÁO CÁO: CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

CÔNG TY CỔ
PHẦN VẬN
TẢI BIỂN
VINASHIP

Digitally signed
by CÔNG TY CỔ
PHẦN VẬN TẢI
BIỂN VINASHIP
Date: 2026.10.23
09:49:35 +07'00'

DANH MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2026

STT	BIỂU SỐ	NỘI DUNG BIỂU	KÝ BÁO CÁO	TRANG
1	B01a-DN	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	QUÝ III NĂM 2026	1-2
2	B02a-DN	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	QUÝ III NĂM 2026	3-3
3	B03a-DN	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	QUÝ III NĂM 2026	4-4
4	B09a-DN	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	QUÝ III NĂM 2026	5-26

Người lập

Nguyễn Bảo Ngọc

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hương



Tổng/giám đốc

Dương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30/09/2026

Mẫu số : B01a-DN

(theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH*Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026*

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 30/09/2026	NGÀY 01/01/2026
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		357.269.123.823	302.236.360.225
I - Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	184.210.246.194	173.531.817.034
1 - Tiền	111		174.210.246.194	163.531.817.034
2 - Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	10.000.000.000
II - Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	67.001.772.604	43.192.915.067
3 - Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		67.001.772.604	43.192.915.067
III - Các khoản phải thu ngắn hạn	130		69.397.969.200	36.968.862.097
1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	56.576.837.842	30.334.975.633
2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.258.050.000	1.944.947.868
5 - Phải thu ngắn hạn khác	135	V.4	20.059.773.211	14.185.630.449
6 - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	V.3,V.4	(9.496.691.853)	(9.496.691.853)
IV - Hàng tồn kho	140		31.571.687.587	38.883.583.953
1 - Hàng tồn kho	141	V.7	31.571.687.587	38.883.583.953
2 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142			
V - Tài sản ngắn hạn khác	160		5.087.448.238	9.659.182.074
1 - Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.14	2.481.438.979	2.473.708.106
2 - Thuế GTGT được khấu trừ	162		2.108.707.178	6.023.194.024
3 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	163	V.19	497.302.081	1.162.279.944
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		791.783.717.503	646.543.869.410
I - Các khoản phải thu dài hạn	210		424.472.940	158.098.960
5 - Phải thu dài hạn khác	215	V.4	424.472.940	158.098.960
II - Tài sản cố định	220		777.501.593.745	623.454.156.946
1 - Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	777.501.593.745	623.454.156.946
- Nguyên giá	222		965.876.543.180	1.180.647.621.082
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(188.374.949.435)	(557.193.464.136)
3 - Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		664.654.500	664.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(664.654.500)	(664.654.500)
IV - Bất động sản đầu tư	240	V.13	1.818.284.908	1.848.292.165
- Nguyên giá	241		26.303.481.478	23.700.004.651
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(24.485.196.570)	(21.851.712.486)
V - Tài sản dở dang dài hạn	250	V.8	-	399.784.500
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		-	399.784.500
VI - Đầu tư tài chính dài hạn	260		5.000.317.668	5.000.326.268
1 - Đầu tư vào công ty con	261		5.000.000.000	5.000.000.000
3 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.2	1.437.338	1.437.338
4 - Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*)	264	V.2	(1.119.670)	(1.111.070)
VII - Tài sản dài hạn khác	270		7.039.048.242	15.683.210.571
1 - Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.14	7.039.048.242	15.683.210.571
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		1.149.052.841.326	948.780.229.635

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30/09/2026

Mẫu số : B01a-DN

(theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 30/09/2026	NGÀY 01/01/2026
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		492.829.630.615	361.121.463.898
I - Nợ ngắn hạn	310		184.736.857.444	125.956.307.306
1 - Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	18.013.963.321	22.103.723.132
2 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	339.617.269
3 - Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.18	20.936.206.380	636.930.300
4 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	18.729.333.212	11.013.286.701
5 - Phải trả người lao động	315		8.359.447.373	10.437.976.385
6 - Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.20	3.768.362.607	4.918.648.093
9 - Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	V.22	5.985.970.968	5.172.997.493
10 - Phải trả ngắn hạn khác	320	V.21	32.997.703.330	13.635.155.801
11 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.16	61.484.154.164	42.465.357.144
13 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		14.461.716.089	15.232.614.988
II - Nợ dài hạn	330		308.092.773.171	235.165.156.592
8 - Phải trả dài hạn khác	338	V.21	1.315.000.000	1.223.000.000
9 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.16	306.649.351.454	233.894.985.712
12 - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342	V.26	128.421.717	47.170.880
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		656.223.210.711	587.658.765.737
I - Vốn chủ sở hữu	410	V.27	656.223.210.711	587.658.765.737
1 - Vốn góp của chủ sở hữu	411		339.999.600.000	339.999.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		339.999.600.000	339.999.600.000
8 - Quỹ đầu tư phát triển	418		217.576.310.648	204.806.906.724
10 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		98.647.300.063	42.852.259.013
'- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		4.145.400.954	-
'- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		94.501.899.109	42.852.259.013
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.149.052.841.326	948.780.229.635

Phê duyệt, ngày 10 tháng 10 năm 2026

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Thị Thanh Hương

NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT

Dương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30/09/2026

Mẫu số : B02a-DN

(Theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý III	
			Quý III năm 2026	Quý III năm 2025	Năm 2026	Năm 2025
1	2	3	4	5		
1 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	164.899.085.678	116.367.515.291	388.609.489.536	405.551.662.429
3 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VII.1	164.899.085.678	116.367.515.291	388.609.489.536	405.551.662.429
4 - Giá vốn hàng bán	11	VII.3	132.102.461.675	117.822.984.455	332.585.678.360	391.964.283.772
5 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		32.796.624.003	(1.455.469.164)	56.023.811.176	13.587.378.657
6 - Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21					
7 - Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.5	1.556.641.250	2.831.725.884	6.444.144.057	9.296.864.171
8 - Chi phí tài chính	23	VI.6	9.347.557.503	2.790.709.701	21.786.257.672	8.139.726.037
Trong đó : Chi phí đi vay	24		7.116.302.394	2.192.771.502	18.162.259.132	6.759.804.508
9 - Chi phí bán hàng	25	VIII.9	3.311.584.591	1.699.904.363	7.483.778.722	6.400.607.957
10 - Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VIII.9	9.263.163.535	5.868.889.609	21.456.421.383	17.080.266.723
11 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 - (23 + 25 + 26))	30		12.430.959.624	(8.983.246.953)	11.741.497.456	(8.736.357.889)
12 - Thu nhập khác	31	VI.7	54.136.341	742	107.542.830.375	155.672.259
13 - Chi phí khác	32	VI.8	465.588.835	92.330.635	522.194.318	294.347.635
14 - Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(411.452.494)	(92.329.893)	107.020.636.057	(138.675.376)
15 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12.019.507.130	(9.075.576.846)	118.762.133.513	(8.875.033.265)
16 - Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.11	2.868.834.056		24.178.983.567	136.899.101
17 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VII.11	-		81.250.837	(72.790.385)
18 - Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		9.150.673.074	(9.075.576.846)	94.501.899.109	(8.939.141.981)
19 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
20 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phê duyệt 10 tháng 10 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT
CỦA NHÀ ĐẦU TƯ
VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Nguyễn Bảo Ngọc

Trần Thị Thanh Hương

Dương Ngọc Tú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp) (*)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

Đơn vị tính : VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ 01/01 đến 30/09	
			năm 2026	năm 2025
1	2	3	4	5
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 - Lợi nhuận trước thuế	01		118.762.133.513	(8.875.033.265)
2 - Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		50.893.397.948	32.983.628.989
- Các khoản dự phòng	03		8.600	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.269.658.014	(1.485.091.633)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(112.304.994.175)	(4.804.087.400)
- Chi phí đi vay	06		18.162.259.132	6.759.804.508
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3-Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		76.782.463.032	24.579.221.199
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(27.756.124.567)	(26.679.248.271)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.311.896.366	10.619.879.481
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		6.555.158.768	(15.481.780.135)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		8.636.431.456	6.131.408.102
- Chi phí đi vay đã trả	14		(18.054.075.213)	(6.799.825.380)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(16.763.211.397)	(10.176.843.841)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			40.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.118.396.888)	(4.699.809.729)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		30.594.141.557	(22.466.998.574)
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(225.751.866.400)	(6.181.278.656)
2 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		134.725.583.510	153.759.259
3 - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(106.000.000.000)	(79.000.000.000)
4 - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		83.000.000.000	170.000.000.000
7 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.011.376.538	5.022.240.468
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(110.014.906.352)	89.994.721.071
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3 - Tiền thu từ đi vay	33	VIII.3	133.131.579.130	-
4 - Tiền trả nợ gốc vay	34	VIII.4	(41.358.416.368)	(15.679.017.858)
6 - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.100.800)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		91.770.061.962	(15.679.017.858)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		12.349.297.167	51.848.704.639
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		173.531.817.034	131.101.782.762
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.670.868.007)	1.289.722.894
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		184.210.246.194	184.240.210.295

Phê duyệt, ngày 10 tháng 10 năm 2026

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT

Nguyễn Thị Bảo Ngọc

Trần Thị Thanh Hương

Đương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên -TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

Mẫu số B09a-DN

(Theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2026

I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam sở hữu 51%; Công ty CP Container Việt Nam sở hữu 39%.

2- **Lĩnh vực kinh doanh** : vận tải đường biển

3- **Ngành nghề kinh doanh** :

- Kinh doanh vận tải biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận, nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ khai thuê hải quan; dịch vụ môi giới thuê tàu biển; môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ logistics; đại lý vé máy bay, vé tàu; dịch vụ môi giới vận tải; dịch vụ vận tải đa phương thức; đại lý container; khai thác cảng, biển; dịch vụ quản lý tàu;
- Dịch vụ hợp tác lao động ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày : khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ ;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn kinh doanh phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;...

4- **Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp diễn ra trong vòng 12 tháng, theo năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 của năm.

5- **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong Quý III/26 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Đội tàu hàng khô Vinaship tính đến thời điểm hiện tại gồm 04 chiếc với tổng số tấn trọng tải là 95.535 DWT, tàu nhỏ nhất có trọng tải 6.500 DWT, tàu có trọng tải lớn nhất 28.201 DWT. Độ tuổi bình quân 17 tuổi, trong đó có tàu Mỹ Hưng 22 tuổi, tàu trẻ nhất 14 tuổi là tàu Vinaship Unity mới đầu tư cuối năm 2024.

Sau những khó khăn của thị trường vận tải biển diễn ra trong quý 1/2026, kể từ tháng 4, thị trường phục hồi trở lại, giá cước được đẩy lên cao hơn và nhờ có những chuyển biến tích cực từ thị trường khu vực, Công ty đã chủ động thay đổi hình thức khai thác từ khai thác tàu chuyển sang cho thuê định hạn đồng thời quyết liệt thực hiện các phương án thanh lý tàu cũ và đầu tư tàu mới. Nhờ vậy, hiệu

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên -TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

qua khai thác đội tàu có nhiều chuyển biến, các chỉ tiêu khai thác trong quý 3 cải thiện rõ rệt, các tàu đều vượt mức kế hoạch.

Hoạt động thuê tàu ngoài vận chuyển trong quý 3 đạt doanh thu 54 tỷ đạt 39% kế hoạch năm, bằng 157% quý trước và bằng 190% quý 1.

Trong Quý III, Công ty mở rộng thêm mảng hoạt động thương mại mua bán clinker đem về doanh thu 17,2 tỷ đồng.

Tất cả các hoạt động trên góp phần đưa Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch về lợi nhuận trong quý 3 và 09 tháng.

6- Cấu trúc doanh nghiệp

- Công ty có trụ sở chính đặt tại địa chỉ số 14 Võ Nguyên Giáp, phường An Biên, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 30/09/2026, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau :

+ Các chi nhánh :

Chi nhánh Hồ Chí Minh tại 5E Nguyễn Đình Chiểu, Phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng tại 26 Nguyễn chí Thanh, thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Quảng ninh tại 73 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long

- Công ty con: 01 công ty con được hợp nhất

Công ty TNHH Dịch vụ hàng hải Vinaship tại 280 đường Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

7- Số lượng người lao động tại thời điểm 30/09/2026: Công ty mẹ có tổng số **236** người.

II – KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :

1- **Kỳ kế toán quý III:** bắt đầu từ ngày 01/07 kết thúc vào ngày 30/09 của năm. Kỳ kế toán quý III năm 2026 bắt đầu từ ngày 01/07/2026 đến 30/09/2026.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt nam.

III – CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- **Chế độ kế toán áp dụng:** Theo Thông tư số 99/2025/TT/BTC ban hành ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

2- **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :**

- Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt nam đã được công bố.

- Công ty thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

3- **Hình thức kế toán áp dụng :**

- Tổ chức công tác kế toán tập trung.

- Hình thức sổ kế toán áp dụng : Phần mềm kế toán.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, tương đương tiền; nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :**

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên -TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

-Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép là Đồng Việt nam. Đối với nghiệp vụ liên quan đến tiền, các khoản phải thu, phải trả đồng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo Tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ đảm bảo chênh lệch không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Cuối niên độ kế toán quý, năm đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

- Đối với các khoản tiền gửi và tiền vay tại các ngân hàng: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.
- Đối với các khoản phải thu, phải trả khác: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch.

2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho :

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : giá bình quân gia quyền
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT/BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

Việc quản lý hàng tồn kho theo chuẩn mực kế toán số 02.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình , vô hình : Theo chuẩn mực kế toán 03,04 và thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực TT 89/2002/TT-BTC ngày 9/10/2002 của Bộ tài chính; thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013, thông tư 99/2025/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá. Trong Bảng cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính : theo Chuẩn mực số 06; Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ hữu hình và vô hình : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : theo Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 23/2005/TT-BTC -30/3/2005 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận bất động sản đầu tư theo nguyên giá.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên -TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con theo Chuẩn mực số 25, Công ty liên kết theo Chuẩn mực số 07, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Chuẩn mực số 08.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn : Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn : Các khoản đầu tư có thời thu hồi vốn từ 1 năm trở lên. Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính theo giá gốc.

- Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán, hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán được thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay :

- Chính sách kế toán được áp dụng cho chi phí đi vay: Thực hiện theo chuẩn mực 16 “ Chi phí đi vay” và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực TT105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 : Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi phát sinh chi phí đi vay trong thời gian đầu tư xây dựng, sản xuất dở dang cho đến tài sản đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác :

- Chi phí chờ phân bổ : Khi phát sinh khoản chi phí lớn, có liên quan đến nhiều kỳ hạch toán kế toán.

- Phương pháp phân bổ chi phí chờ phân bổ : Từng kỳ hạch toán, kế toán phân bổ chi phí chờ phân bổ cho số kỳ liên quan. Chi phí sửa chữa lớn tàu biển sau khi hoàn thành sửa chữa sẽ được phân bổ vào chi phí trong thời gian tối đa 03 năm.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất , kinh doanh của kỳ báo cáo.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

- Nguyên tắc ghi nhận : theo chuẩn mực số 18 “ Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng” : Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế ; có một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

- Phương pháp ghi nhận : được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 : Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ kế toán.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu , thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

+ Thặng dư vốn cổ phần : ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên -TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

+ Vốn khác của chủ sở hữu: ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân biếu tặng sau khi trừ đi khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập trừ đi chi phí ,thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm nay; các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước được hạch toán vào lợi nhuận chưa phân phối.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :

Doanh thu được ghi nhận theo Chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng : Khi Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm và xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi công ty hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng. Đối với trường hợp hoạt động dịch vụ diễn ra trong nhiều kỳ, doanh thu sẽ được phân bổ theo tỷ lệ hoàn thành tại ngày cuối kỳ.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :

+ Đối với lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu thì thời điểm xác định doanh thu theo thời gian của hợp đồng cho vay hoặc kỳ nhận lãi.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có quyết định, nghị quyết hoặc thông báo được chia.

+ Lãi chuyển nhượng chứng khoán.

+ Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :

Ghi nhận chi phí tài chính các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại : theo Chuẩn mực số 17, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của BTC.

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30/09/2026

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1- Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng	30/09/2026	01/01/2026
- Tiền mặt	135.381.000	742.089.000
- Tiền gửi không kỳ hạn	174.074.865.194	162.789.728.034
+ Tiền gửi không kỳ hạn tại MSB HP	32.117.344.349	43.412.044.382
+ Tiền gửi không kỳ hạn tại NCB	2.171.905.670	57.563.852.970
+ Tiền gửi không kỳ hạn tại BIDV	41.961.719.106	61.460.797.823
+ Tiền gửi không kỳ hạn tại MB	97.457.797.193	-
+ Tiền gửi không kỳ hạn khác	366.098.876	353.032.859
- Tiền đang chuyển		
- Tương đương tiền	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Tiền gửi kỳ hạn dưới 03 tháng tại MSB	-	10.000.000.000
+ Tiền gửi kỳ hạn dưới 03 tháng tại NCB	-	-
+ Tiền gửi kỳ hạn dưới 03 tháng tại VIB	-	-
+ Tiền gửi kỳ hạn dưới 03 tháng tại BIDV	-	-
+ Tiền gửi kỳ hạn dưới 03 tháng tại MB	10.000.000.000	-
Cộng	184.210.246.194	173.531.817.034

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30/09/2026

V- THỐNG TIN BỐ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

2- Các khoản đầu tư tài chính

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Chi tiêu	30/09/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
b1) Ngắn hạn	67.001.772.604	67.001.772.604	-	43.192.915.067	43.192.915.067	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	67.001.772.604	67.001.772.604	-	43.192.915.067	43.192.915.067	-
+ Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 03 tháng tại MSB				44.246.575	44.246.575	
+ Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 03 tháng tại MB	101.506.850	101.506.850				
+ Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 06 tháng tại NCB		-	-	20.122.054.794	20.122.054.794	-
+ Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 06 tháng tại VIB				23.026.613.698	23.026.613.698	-
+ Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 06 tháng tại BIDV						
+ Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 06 tháng tại MB	65.874.342.465	65.874.342.465	-	-	-	-
+ Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 12 tháng tại MB	1.025.923.289	1.025.923.289				
b2) Dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	67.001.772.604	67.001.772.604	-	43.192.915.067	43.192.915.067	-

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiêu	30/09/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
- Đầu tư góp vốn vào công ty con	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-
+ Góp vốn bằng tiền mặt	4.207.068.905	4.207.068.905	-	4.207.068.905	4.207.068.905	-
+ Góp vốn bằng tài sản cố định	620.639.567	620.639.567	-	620.639.567	620.639.567	-
+ Góp vốn bằng hàng tồn kho	172.291.528	172.291.528	-	172.291.528	172.291.528	-
- Đầu tư cổ phiếu	1.437.338	373.800	1.119.670	1.437.338	440.400	1.111.070
Chi tiết đầu tư cổ phiếu tính đến 30/09/2026						
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt Nam: 86 CP	1.369.070	249.400	1.119.670	1.369.070	258.000	1.111.070
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam: 2 CP	68.268	124.400	-	68.268	182.400	-
Cộng	5.001.437.338	5.000.373.800	1.119.670	5.001.437.338	5.000.440.400	1.111.070

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30/09/2026

3- Phải thu của khách hàng

Chi tiêu	30/09/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
a) Phải thu của các khách hàng khác ngắn hạn	56.404.979.148	(2.154.204.279)	30.077.187.592	(2.154.204.279)
- Công ty CP TMVT XNK Thiên Phúc	18.728.937.328		6.579.542.381	
- Cty TNHH Vận tải biển và DVHH Thiên Phúc	9.224.768.862		10.262.478.410	
- Công ty TNHH TM Nhật Minh AM	8.185.555.540		8.420.757.192	
- Công ty TNHH MTV XNK Nhật Phát	7.400.183.479		-	
- Công ty TNHH TMDV Vận chuyển Vạn Thịnh Phát	10.378.525.800		-	
- Các khoản phải thu khách hàng khác	2.487.008.139	(2.154.204.279)	4.814.409.609	(2.154.204.279)
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	171.858.694		257.788.041	
Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	171.858.694		257.788.041	
Cộng	56.576.837.842	(2.154.204.279)	30.334.975.633	(2.154.204.279)

4- Phải thu khác

Chi tiêu	30/09/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
a) Ngắn hạn	20.059.773.211	(7.342.487.574)	14.185.630.449	(7.342.487.574)
- Tạm ứng	3.389.196.811		3.290.204.077	
- Ký cược, ký quỹ	4.733.309.739		17.040.400	
- Bảo hiểm về trách nhiệm dân sự và thân tàu của tàu biển	3.354.344.589		3.274.932.218	
- Tiền sửa chữa tàu - Công ty TNHH MTV Vận tải biển dương Vínashir	7.342.487.574	(7.342.487.574)	7.342.487.574	(7.342.487.574)
- Bảo hiểm xã hội	259.975.613		240.737.220	
- Bảo hiểm y tế	9.281.485		-	
- Phải thu khác	971.177.400		20.228.960	
b) Dài hạn	424.472.940	-	158.098.960	-
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	424.472.940		158.098.960	
c) Phải thu từ hợp đồng BCC mà doanh nghiệp đồng kiểm soát	-	-	-	-
Cộng	20.484.246.151	(7.342.487.574)	14.343.729.409	(7.342.487.574)

6- Nợ xấu

Chi tiêu	30/09/2026			01/01/2026		
	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
Khoản nợ phát sinh từ 31/05/2011, Vinashinlines đang làm thủ tục phá sản, khoản nợ phải thu của Vinaship đang chờ phán quyết của Toà Án	7.342.487.574	-	- Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	-	- Công ty Vinashinlines
Khoản nợ phát sinh từ 31/08/2017 và không có khả năng thu hồi	1.104.934.000	-	- Cty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	1.104.934.000	-	- Cty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát
Các khoản nợ khó đòi khác phát sinh từ năm 2013-2019	1.049.270.279	-	Các khoản nợ khó đòi khác phát sinh từ năm 2013-2019	1.049.270.279	-	Các khoản nợ khó đòi khác từ năm 2013-2019
Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn: công ty đánh giá khả năng thu hồi nợ của tất cả khách hàng trên là rất thấp và đã trích lập dự phòng 100%						
Cộng	9.496.691.853	-		9.496.737.876	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30/09/2026

7- Hàng tồn kho

Chi tiêu	30/09/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	31.571.687.587	-	36.033.338.515	
- Công cụ, dụng cụ				
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-		2.850.245.438	
Cộng	31.571.687.587	-	38.883.583.953	-

Vật liệu được xuất kho theo phương pháp giá đích danh
Nhiên liệu được xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền

8- Tài sản dở dang dài hạn

Chi tiêu	30/09/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
b) Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	399.784.500	399.784.500
- TSCĐ đang mua sắm	-	-	399.784.500	399.784.500
+ Tàu mới đang mua		-		
+ TSCĐ khác đang mua	-	-	399.784.500	399.784.500
- Xây dựng cơ bản	-	-		
- Sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ	-	-		
- Nâng cấp, cải tạo TSCĐ	-	-		
+ Chi phí khác	-			
Cộng	-	-	399.784.500	399.784.500

9 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH.TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	MÁY MÓC THIẾT BỊ	DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ						
1. Số dư đầu kỳ		83.205.251.029	1.085.990.470.931	5.102.897.024	6.349.002.098	1.180.647.621.082
Toà nhà Vinaship số 14 Võ Nguyên Giáp		76.219.834.260				76.219.834.260
04 bộ thang máy toà nhà Vinaship				4.108.965.194		4.108.965.194
Hệ thống điều hoà toà nhà Vinaship					5.850.000.001	5.850.000.001
Phương tiện vận tải - tàu Mỹ Hưng			94.684.968.744			94.684.968.744
Phương tiện vận tải - tàu Vinaship Gold			193.945.837.071			193.945.837.071
Phương tiện vận tải - tàu Vinaship Unity			293.236.531.709			293.236.531.709
Phương tiện vận tải - tàu Vinaship Harmony			253.467.586.208			253.467.586.208
Phương tiện vận tải - tàu Vinaship Pearl			235.026.259.360			235.026.259.360
Tài sản cố định hữu hình khác	6.985.416.769		15.629.287.839	993.931.830	499.002.097	24.107.638.535
2. Số tăng trong kỳ	-		226.310.558.688	-	-	226.310.558.688
- Do mua sắm	-		226.310.558.688	-	-	226.310.558.688
Phương tiện vận tải - tàu Vinaship Amity			225.771.999.948			225.771.999.948
Các thiết bị khác cho đội tàu			538.558.740			538.558.740
3. Số giảm trong kỳ	2.603.476.827		438.478.159.763	-	-	441.081.636.590
- Giảm nguyên giá tàu Vinaship Harmony			158.907.788			158.907.788
- Thanh lý, nhượng bán	-		438.319.251.975	-		438.319.251.975
Phương tiện vận tải - tàu Vinaship Pearl			235.026.259.360			235.026.259.360
Hệ thống quản lý nước dẫn tàu Vinaship Pearl			3.212.796.800			3.212.796.800
Rada của tàu Vinaship Pearl			1.329.334.380			1.329.334.380
Các thiết bị khác tàu Vinaship Pearl			950.441.136			950.441.136
Phương tiện vận tải - tàu Vinaship Gold			193.945.837.071			193.945.837.071
Hệ thống quản lý nước dẫn tàu Vinaship Gold			2.255.265.940			2.255.265.940
Các thiết bị khác tàu Vinaship Gold			780.160.887			780.160.887
Xe ô tô Camry 2.G			819.156.401			819.156.401
- Chuyển sang BĐSĐT: Nhà làm việc Q7 - TP. HCM	2.603.476.827					2.603.476.827
4. Số cuối kỳ	80.601.774.202		873.822.869.856	5.102.897.024	6.349.002.098	965.876.543.180
- Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	3.404.646.756		97.189.552.743	60.431.830	216.281.662	100.870.912.991
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
1. Đầu kỳ	10.579.241.886		542.800.561.503	1.289.981.573	2.523.679.174	557.193.464.136
2. Tăng trong kỳ	2.397.192.954		46.449.749.303	613.638.504	1.145.913.498	50.606.494.259
- Khấu hao	2.397.192.954		46.449.749.303	613.638.504	1.145.913.498	50.606.494.259
Toà nhà Vinaship số 14 Võ Nguyên Giáp	2.287.178.982					2.287.178.982
04 bộ thang máy toà nhà Vinaship				513.620.649		513.620.649
Hệ thống điều hoà toà nhà Vinaship					1.096.875.000	1.096.875.000
Phương tiện vận tải - tàu Mỹ Hưng			-			-
Phương tiện vận tải - tàu Vinaship Gold			3.161.528.469			3.161.528.469
Phương tiện vận tải - tàu Vinaship Unity			18.327.283.236			18.327.283.236
Phương tiện vận tải - tàu Vinaship Harmony			15.829.732.489			15.829.732.489
Phương tiện vận tải - tàu Vinaship Amity			8.152.877.777			8.152.877.777
Tài sản cố định hữu hình khác	110.013.972		978.327.332	100.017.855	49.038.498	1.237.397.657
3. Giảm trong kỳ	2.022.033.648		417.402.975.312	-	-	419.425.008.960
- Thanh lý, nhượng bán			417.402.975.312			417.402.975.312
Thanh lý, nhượng bán tàu Vinaship Pearl			235.026.259.360			235.026.259.360
Hệ thống quản lý nước dẫn tàu Vinaship Pearl			3.212.796.800			3.212.796.800
Rada của tàu Vinaship Pearl			1.329.334.380			1.329.334.380
Các thiết bị khác tàu Vinaship Pearl			871.788.309			871.788.309
Thanh lý, nhượng bán tàu Vinaship Gold			173.978.288.849			173.978.288.849
Hệ thống quản lý nước dẫn tàu Vinaship Gold			1.647.192.890			1.647.192.890
Các thiết bị khác tàu Vinaship Gold			518.158.323			518.158.323
Xe ô tô Camry 2.G			819.156.401			819.156.401
Chuyển sang bất động sản đầu tư: Nhà làm việc Q7-TP HCM	2.022.033.648					2.022.033.648
4. Số cuối kỳ	10.954.401.192		171.847.335.494	1.903.620.077	3.669.592.672	188.374.949.435
III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
1. Đầu kỳ	72.626.009.143		543.189.909.428	3.812.915.451	3.825.322.924	623.454.156.946
2. Cuối kỳ	69.647.373.010		701.975.534.362	3.199.276.947	2.679.409.426	777.501.593.745
Toà nhà Vinaship số 14 Võ Nguyên Giáp	69.369.222.804					69.369.222.804
04 bộ thang máy toà nhà Vinaship				2.566.200.948		2.566.200.948
Hệ thống điều hoà toà nhà Vinaship					2.555.312.501	2.555.312.501
Phương tiện vận tải - tàu Mỹ Hưng			-			-
Phương tiện vận tải - tàu Vinaship Unity			248.502.195.208			248.502.195.208
Phương tiện vận tải - tàu Vinaship Harmony			234.193.254.998			234.193.254.998
Phương tiện vận tải - tàu Vinaship Amity			217.619.122.171			217.619.122.171
Tài sản cố định hữu hình khác	278.150.206		1.660.961.985	633.075.999	124.096.925	2.696.285.115
- Giá trị còn lại của các TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố			700.314.572.377			700.314.572.377

- Ngày 14/01/2026, bán thanh lý thành công tàu Vinaship Pearl và hoàn tất bàn giao cho người mua.
- Ngày 25/04/2026, bán thanh lý thành công tàu Vinaship Gold và hoàn tất bàn giao cho người mua.
- Ngày 25/04/2026, mua và hoàn tất thủ tục nhận tàu Vinaship Amity đưa vào khai thác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30/09/2026

10 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

CHỈ TIÊU \ NHÓM TSCĐ	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ			
1. Số dư đầu kỳ	-	664.654.500	664.654.500
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối kỳ	-	664.654.500	664.654.500
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
1. Đầu kỳ	-	664.654.500	664.654.500
2. Tăng trong kỳ	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối kỳ	-	664.654.500	664.654.500
III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
1. Đầu kỳ	-	-	-
2. Cuối kỳ	-	-	-

11 - Tăng, giảm TSCĐ thuê tài chính: Không có

12 - Tài sản sinh học: Không có

13 - Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

CHỈ TIÊU \ NHÓM TSCĐ	NHÀ	CƠ SỞ HẠ TẦNG	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ			
1. Số dư đầu kỳ	2.627.505.019	21.072.499.632	23.700.004.651
Bãi container Hậu Phương Đình Vũ		17.153.984.650	17.153.984.650
Bãi container Transvina		2.304.261.818	2.304.261.818
BĐS đầu tư khác		1.614.253.164	1.614.253.164
2. Số tăng trong kỳ	2.603.476.827		2.603.476.827
Chuyển từ TSCĐ sang: Nhà làm việc Q7-HCM	2.603.476.827		2.603.476.827
3. Số giảm trong kỳ		-	-
4. Số cuối kỳ	5.230.981.846	21.072.499.632	26.303.481.478
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
1. Số dư đầu kỳ	2.627.505.019	19.224.207.467	21.851.712.486
2. Số tăng trong kỳ	2.039.390.160	594.093.924	2.633.484.084
- Do chuyển từ TSCĐ sang: nhà làm việc Q7-HCM	2.022.033.648		2.022.033.648
- Do trích khấu hao	17.356.512	594.093.924	611.450.436
Bãi container Hậu Phương Đình Vũ		594.093.924	594.093.924
Nhà làm việc Q7- HCM	17.356.512	-	17.356.512
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	4.666.895.179	19.818.301.391	24.485.196.570
III - Giá trị còn lại			
1. Số dư đầu kỳ	-	1.848.292.165	1.848.292.165
4. Số dư cuối kỳ	564.086.667	1.254.198.241	1.818.284.908
Bãi container Hậu Phương Đình Vũ		1.254.198.241	1.254.198.241
Nhà làm việc Q7- HCM	564.086.667	-	564.086.667

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30/9/2026

14- Chi phí chờ phân bổ

Khoản mục	30/09/2026	Trong năm		01/01/2026
		Tăng	Giảm	
a) Ngắn hạn				
- Chi phí bảo hiểm đội tàu	1.630.944.041	10.702.716.830	11.237.388.635	2.165.615.846
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	850.494.938	6.383.066.953	5.840.664.275	308.092.260
Cộng	2.481.438.979	17.085.783.783	17.078.052.910	2.473.708.106
b) Dài hạn				
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	6.368.042.580	-	8.000.443.393	14.368.485.973
- Chi phí trả trước trang thiết bị đồ dùng tòa nhà	548.754.235	-	548.754.219	1.097.508.454
- Chi phí trả trước dài hạn khác	122.251.427	-	94.964.717	217.216.144
Cộng	7.039.048.242	-	8.644.162.329	15.683.210.571

15- Tài sản khác

Khoản mục	30/09/2026	01/01/2026
a) Ngắn hạn		
b) Dài hạn		

16- Vay và nợ thuê tài chính

Khoản mục	30/09/2026	Trong kỳ		01/01/2026
		Tăng	Giảm	
a) Vay ngắn hạn	-			-
+ Nợ ngắn hạn	-			-
b) Vay dài hạn	368.133.505.618	193.508.792.518	101.735.629.756	276.360.342.856
- Kỳ hạn từ 01 năm trở xuống, trong đó:	61.484.154.164	60.377.213.388	41.358.416.368	42.465.357.144
+ Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải	20.905.357.144	15.679.017.858	15.679.017.858	20.905.357.144
+ Vay Ngân hàng TMCP BIDV	21.560.000.000	16.170.000.000	16.170.000.000	21.560.000.000
+ Vay Ngân hàng TMCP MB	19.018.797.020	28.528.195.530	9.509.398.510	-
- Kỳ hạn từ 01 năm trở lên	306.649.351.454	133.131.579.130	60.377.213.388	233.894.985.712
+ Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải	88.847.767.854	-	15.679.017.858	104.526.785.712
+ Vay Ngân hàng TMCP BIDV	113.198.200.000	-	16.170.000.000	129.368.200.000
+ Vay Ngân hàng TMCP MB	104.603.383.600	133.131.579.130	28.528.195.530	-
c) Các khoản vay từ các bên liên quan	-			-
Cộng	368.133.505.618	193.508.792.518	101.735.629.756	276.360.342.856

17- Phải trả người bán

Khoản mục	30/09/2026	01/01/2026
a) Phải trả các người bán khác	17.486.972.947	21.271.064.532
PT Indofuels Limited	-	10.910.343.393
Kinetik Petroleum Sdn Bhd	3.833.550.017	-
Kopa Marine Service Co., Ltd		-
MSS Marine & Offshore Pte, Ltd	1.201.852.490	356.153.202
Công ty TNHH Mateshi Việt Nam	2.030.919.960	181.036.080
Công ty TNHH MTV XNK Nhật Phát	6.492.263.634	-
Phải trả các đối tượng khác	3.928.386.846	9.823.531.857
b) Phải trả người bán dài hạn		-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	526.990.374	832.658.600
Công ty mẹ - Tổng công ty hàng hải VN	-	200.000.000
Cty VTB VIMC - Chi nhánh Tcty Hàng hải VN	429.490.374	-
Chi nhánh Cty CP VTB VN - trung tâm huấn luyện thuyền viên	97.500.000	
Công ty CP thương mại và dịch vụ Vosco	-	632.658.600
Cộng	18.013.963.321	22.103.723.132

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30/9/2026

18- Phải trả về cổ tức, lợi nhuận

Khoản mục	30/09/2026	01/01/2026
Phải trả về cổ tức, lợi nhuận	20.936.206.380	636.930.300
<i>Trong đó phải trả cổ tức các bên liên quan</i>	<i>18.402.024.000</i>	
Công ty mẹ - Tổng công ty hàng hải VN	10.404.000.000	
Công ty CP Container Việt Nam	7.955.904.000	
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh	6.300.000	
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	35.820.000	

19- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	01/01/2026	Số phải nộp	Số đã thực nộp	30/09/2026
		trong kỳ	trong kỳ	
a) Phải nộp				
Ngắn hạn	11.013.286.701	28.798.730.433	21.082.683.922	18.729.333.212
- Thuế GTGT đầu ra	-	4.052.236.860	4.052.236.860	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu		19.092.501	19.092.501	-
- Thuế nhập khẩu		9.890.219	9.890.219	-
- Thuế TNDN	10.975.632.131	24.466.562.833	16.763.211.397	18.678.983.567
- Thuế thu nhập cá nhân	37.654.570	204.572.664	191.877.589	50.349.645
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		46.375.356	46.375.356	-
Dài hạn				
Cộng	11.013.286.701	28.798.730.433	21.082.683.922	18.729.333.212
b) Phải thu				
Ngắn hạn	1.162.279.944	264.065.172	(400.912.691)	497.302.081
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa				
- Tiền thuế đất do được bù trừ	1.162.279.944	264.065.172	(400.912.691)	497.302.081
- Các khoản khác phải thu của Nhà nước				-
Dài hạn				
Cộng	1.162.279.944	264.065.172	(400.912.691)	497.302.081

20- Chi phí phải trả

Khoản mục	30/09/2026	01/01/2026
a) Ngắn hạn	3.768.362.607	4.918.648.093
- Trích trước chi phí lãi vay	430.350.677	322.166.758
- Chi phí phải trả khác	3.338.011.930	4.596.481.335
b) Dài hạn		
Cộng	3.768.362.607	4.918.648.093

21- Phải trả khác

Khoản mục	30/09/2026	01/01/2026
a) Ngắn hạn		
- Bảo hiểm thất nghiệp	161.692.004	165.507.281
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	31.843.034.542	12.466.117.600
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên	575.524.628	548.505.306
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	417.452.156	455.025.614
Cộng	32.997.703.330	13.635.155.801
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.315.000.000	1.223.000.000
Cộng	1.315.000.000	1.223.000.000
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		

22- Doanh thu chờ phân bổ

Khoản mục	30/09/2026	01/01/2026
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động vận tải biển	5.075.073.050	4.092.036.000
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động dịch vụ	910.897.918	1.080.961.493
b) Dài hạn		
c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng		
Cộng	5.985.970.968	5.172.997.493

- 23- Trái phiếu phát hành
24- Cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả
25- Dự phòng phải trả

Khoản mục	01/01/2026	Số dự phòng	Số dự phòng	30/09/2026
		Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	
a) Ngắn hạn	-			-
b) Dài hạn	-			-

- 26- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả
a) Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Khoản mục	30/09/2026	01/01/2026
Thuế suất thuế TNDN	20 %	20 %
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng		
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		

- b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Khoản mục	30/09/2026	01/01/2026
Thuế suất thuế TNDN	20 %	20 %
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	128.421.717	47.170.880
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	128.421.717	47.170.880

27- Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Cộng
A	1	7	8	
Số dư đầu năm trước	339.999.600.000	65.360.108.736	169.907.385.045	575.267.093.781
Lãi trong năm trước		42.852.259.013		42.852.259.013
Phân phối lợi nhuận năm 2024		(65.360.108.736)	34.899.521.679	(30.460.587.057)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển		(34.899.521.679)	34.899.521.679	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		(10.060.611.057)		(10.060.611.057)
+ Chia cổ tức bằng tiền mặt		(20.399.976.000)		(20.399.976.000)
Giảm khác				-
Số dư đầu năm nay	339.999.600.000	42.852.259.013	204.806.906.724	587.658.765.737
Lãi trong 09 tháng		94.501.899.109		94.501.899.109
Tăng khác		-		-
Giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối do nộp thuế TNDN sau kiểm tra		(287.579.266)		(287.579.266)
Phân phối lợi nhuận năm 2025		(38.419.278.793)	12.769.403.924	(25.649.874.869)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển		(12.769.403.924)	12.769.403.924	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		(5.347.497.989)		(5.347.497.989)
+ Chia cổ tức bằng tiền		(20.302.376.880)		(20.302.376.880)
Số dư cuối kỳ	339.999.600.000	98.647.300.063	217.576.310.648	656.223.210.711

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:

Khoản mục	30/09/2026	01/01/2026
- Vốn góp của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam 51% VDL	173.400.000.000	173.400.000.000
- Vốn góp của Công ty CP Container Việt Nam Viconship 39% VDL	132.598.400.000	132.598.400.000
- Vốn góp của các cổ đông khác 10% VDL	34.001.200.000	34.001.200.000
Cộng	339.999.600.000	339.999.600.000

c) - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

Khoản mục	09 tháng năm 2026	09 tháng năm 2025
- Vốn góp đầu năm	339.999.600.000	339.999.600.000
- Vốn góp cuối kỳ	339.999.600.000	339.999.600.000
+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d) Cổ phiếu

Khoản mục	30/09/2026	01/01/2026
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.999.960	33.999.960
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	33.999.960	33.999.960
+ Cổ phiếu phổ thông	33.999.960	33.999.960
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.999.960	33.999.960
+ Cổ phiếu phổ thông	33.999.960	33.999.960
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn CSH)		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VNĐ/Cổ phiếu 10.000 10.000

30. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

b) Tài sản nhận giữ hộ, nhận ký gửi, nhận gia công, nhận uỷ thác xuất nhập khẩu	30/09/2026	01/01/2026
- Các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng	-	-
d) Tài sản của doanh nghiệp sử dụng để cầm cố, thế chấp	30/09/2026	01/01/2026
Thế chấp Tài sản cố định tại các tổ chức tín dụng tài trợ vốn vay	700.314.572.377	517.011.373.719
- Phương tiện tàu Vinaship Unity thế chấp tại ngân hàng MSB để vay vốn mua tàu - giá trị còn lại	248.502.195.208	266.829.478.444
- Phương tiện tàu Vinaship Harmony thế chấp tại ngân hàng BIDV để vay vốn mua tàu - giá trị còn lại	234.193.254.998	250.181.895.275
- Phương tiện tàu Vinaship Amity thế chấp tại ngân hàng MB để vay vốn mua tàu - giá trị còn lại	217.619.122.171	-
đ) Ngoại tệ các loại	30/09/2026	01/01/2026
- Đồng dollar Mỹ (USD)	6,594,938.58	5,482,438.96
e) Nợ khó đòi đã xử lý	1.180.624.375	1.180.624.375
- Khách hàng Liana	59.231.742	59.231.742
- Khách hàng Sky Ocean Shipping	484.952.633	484.952.633
- Công ty TNHH TMDV Tân Đông Thuận	636.440.000	636.440.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng
Báo cáo tài chính Công ty mẹ
Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30/09/2026

VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Khoản mục		09 tháng năm 2026	09 tháng năm 2025
a) Doanh thu			
+ Doanh thu hoạt động vận tải biển		232.248.252.538	283.134.614.452
+ Doanh thu hoạt động vận tải biển thuê tàu ngoài		117.979.482.366	106.765.003.833
+ Doanh thu cho thuê văn phòng và bất động sản đầu tư		7.735.436.051	6.334.846.806
+ Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác		1.320.977.333	522.876.592
+ Doanh thu bán hàng		29.325.341.248	8.794.320.746
Cộng		388.609.489.536	405.551.662.429
b) Doanh thu từ các bên liên quan (chi tiết từng đối tượng)			
+ Công ty con - công ty TNHH Dịch vụ hàng hải Vinaship		50.617.992	18.000.000
+ Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao		703.058.292	668.373.783
Cộng		753.676.284	686.373.783
3- Giá vốn hàng bán			
Khoản mục		09 tháng năm 2026	09 tháng năm 2025
a) Giá vốn			
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển		185.403.504.949	276.992.207.945
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển thuê tàu ngoài		115.475.416.936	103.906.674.182
- Giá vốn cung cấp cho thuê bất động sản		2.983.652.680	1.912.698.715
- Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ khác đã cung cấp		1.211.753.618	363.639.163
- Giá vốn hàng bán		27.511.350.177	8.789.063.767
Cộng		332.585.678.360	391.964.283.772
b) Giá vốn từ các bên liên quan			
- Công ty CP thương mại và dịch vụ Vosco		267.077.500	1.610.740.000
- Công ty CP Cảng Sài Gòn Hiệp Phước		397.230.299	-
- Công ty CP Cảng Sài Gòn		47.757.470	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng xanh		-	1.562.950
- Cty VTB VIMC - Chi nhánh Tổng công ty Hàng hải VN		890.518.299	-
- Chi nhánh Cty CP VTB VN - trung tâm huấn luyện thuyền viên		97.500.000	-
- Cty CP hàng hải Đông Đô		27.062.653.920	-
Cộng		28.762.737.488	1.612.302.950
4- Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý Bất động sản đầu tư			
Khoản mục		09 tháng năm 2026	09 tháng năm 2025
- Doanh thu bán, thanh lý BĐSĐT		-	-
- Giá trị còn lại của BĐSĐT		-	-
- Chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT		-	-
Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý BĐSĐT		-	-
5- Doanh thu hoạt động tài chính			
Khoản mục		09 tháng năm 2026	09 tháng năm 2025
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay		4.840.609.924	4.650.328.141
- Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ		900	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá		1.603.533.233	3.161.444.397
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ		-	1.485.091.633
Cộng		6.444.144.057	9.296.864.171
6- Chi phí tài chính			
Khoản mục		09 tháng năm 2026	09 tháng năm 2025
- Chi phí lãi vay		18.162.259.132	6.759.804.508
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ		2.177.959.565	1.379.921.309
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ		1.269.658.014	-
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn		8.600	-
- Chi phí tài chính khác		176.372.361	220
Cộng		21.786.257.672	8.139.726.037

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30/09/2026

7- Thu nhập khác

Khoản mục	09 tháng năm 2026	09 tháng năm 2025
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	131.546.272.727	160.000.000
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	(24.061.512.627)	(6.240.741)
- Các khoản khác	58.070.275	1.913.000
Cộng	107.542.830.375	155.672.259

8- Chi phí khác

Khoản mục	09 tháng năm 2026	09 tháng năm 2025
- Các khoản bị phạt	46.375.356	-
- Các khoản chi phí khác	475.818.962	294.347.635
Cộng	522.194.318	294.347.635

9- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Khoản mục	09 tháng năm 2026	09 tháng năm 2025
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	21.456.421.383	17.080.266.723
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	951.227.181	1.031.682.361
Chi phí nhân công	13.958.529.071	8.868.460.030
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.051.083.008	3.688.749.494
Thuế, phí, lệ phí	360.779.657	428.426.241
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.567.250.400	1.452.728.372
Chi phí khác bằng tiền	1.567.552.066	1.610.220.225
b) Các khoản chi phí bán hàng khác	7.483.778.722	6.400.607.957
Hoa hồng phí	7.483.778.722	6.400.607.957

10- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Khoản mục	09 tháng năm 2026	09 tháng năm 2025
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57.762.514.210	125.140.672.220
- Chi phí nhân công	43.963.569.631	36.768.633.508
+ Tiền lương	35.578.002.725	27.839.875.000
+ BHXH	3.407.247.039	3.522.002.400
+ Bảo hiểm y tế	420.328.583	397.448.640
+ Bảo hiểm thất nghiệp	194.699.829	201.257.280
+ Kinh phí công đoàn	389.399.655	402.514.560
+ Tiền ăn ca, định lượng, phụ cấp độc hại	3.973.891.800	4.405.535.628
- Thuế, phí và lệ phí	1.334.714.285	894.523.973
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.893.397.948	32.983.628.989
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	171.979.183.356	204.810.275.558
- Chi phí khác bằng tiền	5.230.903.420	4.320.111.734
Cộng	331.164.282.850	404.917.845.982

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30/09/2026

11. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp

Khoản mục	09 tháng năm 2026	09 tháng năm 2025
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	118.762.133.513	(8.875.033.265)
- Thuế tính theo thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Các khoản điều chỉnh tăng	2.132.785.222	1.722.906.008
- Chi phí không được khấu trừ	252.000.000	198.000.000
- Khoản nộp phạt	46.375.356	
- Lãi đánh giá ngoại tệ cuối năm trước	235.854.400	1.524.906.008
- Lỗ đánh giá ngoại tệ cuối quý này	1.598.555.466	
Các khoản điều chỉnh giảm	900	-
- Lãi đánh giá ngoại tệ cuối quý này		
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	900	-
Chi phí thuế TNDN	120.894.917.835	(7.152.127.257)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.178.983.567	136.899.101
Chi phí thuế TNDN hoãn lại (**)	81.250.837	(72.790.385)
Chi phí thuế TNDN (*)	24.260.234.404	64.108.716

(**) Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	09 tháng năm 2026	09 tháng năm 2025
- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu	128.421.717	232.190.817
- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(47.170.880)	(304.981.202)
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	81.250.837	(72.790.385)

VIII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	09 tháng năm 2026	09 tháng năm 2025
3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	133.131.579.130	-
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	-	-
- Tiền thu từ đi vay	-	-
4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	41.358.416.368	15.679.017.858
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	41.358.416.368	15.679.017.858

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30/09/2026

IX. Những thông tin khác

3- GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

	09 tháng năm 2026	09 tháng năm 2025
<u>Thu nhập của các thành viên trong Ban giám đốc, HĐQT và người quản lý</u>	2.649.536.285	2.625.618.518
Ông Nguyễn Ngọc Ánh - Chủ tịch HĐQT	120.000.000	88.000.000
Ông Vương Ngọc Sơn - Phó chủ tịch HĐQT	-	39.000.000
Ông Dương Ngọc Tú - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	699.515.066	718.669.399
Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thành viên HĐQT	76.000.000	72.000.000
Ông Phạm Bá Chính - Thành viên HĐQT	-	39.000.000
Ông Vũ Ngọc Lâm - Thành viên HĐQT	76.000.000	33.000.000
Ông Lê Quang Huy - Thành viên HĐQT	76.000.000	33.000.000
Ông Nguyễn Quang Duy - Phó Tổng giám đốc	-	5.000.000
Ông Lê Văn Thái - Phó Tổng giám đốc	499.431.394	509.045.180
Ông Đoàn Minh Thân - Phó Tổng giám đốc	483.202.177	463.146.282
Bà Trần Thị Thanh Hương - Kế toán trưởng	447.837.648	461.757.657
Bà Lã Thị Liên Hương - Trưởng ban kiểm soát	76.000.000	72.000.000
Bà Nguyễn Hà Thanh - Thành viên Ban kiểm soát	-	24.000.000
Ông Phan Văn Hưng - Thành viên ban kiểm soát	-	24.000.000
Bà Đặng Thanh Tâm - Thành viên ban kiểm soát	35.550.000	27.000.000
Ông Chu Thế Nga - Thành viên ban kiểm soát	-	17.000.000
Bà Tạ Thị Huệ - Thành viên ban kiểm soát	30.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thành viên ban kiểm soát	30.000.000	-

5- Thông tin so sánh

Các chỉ tiêu đầu kỳ và cùng kỳ năm trước đã được trình bày lại theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025

để đảm bảo tính so sánh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý III năm 2026 kết thúc ngày 30/09/2026

4) Trình bày doanh thu, chi phí, kết quả SXKD theo từng hoạt động:

Các hoạt động	Quý III	09 tháng	Quý III	09 tháng
	năm 2026	năm 2026	năm 2025	năm 2025
Vận tải biển				
- Doanh thu	90.627.755.006	232.248.252.538	83.983.272.063	283.134.614.452
- Chi phí	73.010.360.610	213.269.580.649	95.019.301.870	299.489.354.383
- Lợi nhuận	17.617.394.396	18.978.671.889	(11.036.029.807)	(16.354.739.931)
Vận tải biển thuê tàu ngoài				
- Doanh thu	54.059.636.449	117.979.482.366	29.117.693.403	106.765.003.833
- Chi phí	53.279.742.916	116.510.541.341	28.762.078.922	104.850.402.424
- Lợi nhuận	779.893.533	1.468.941.025	355.614.481	1.914.601.409
Hoạt động cho thuê văn phòng, bất động sản				
- Doanh thu	2.578.222.445	7.735.436.051	2.261.834.551	6.334.846.806
- Chi phí	972.895.136	3.022.652.680	601.948.515	1.952.698.715
- Lợi nhuận	1.605.327.309	4.712.783.371	1.659.886.036	4.382.148.091
Hoạt động dịch vụ khác				
- Doanh thu	444.507.575	1.320.977.333	226.244.892	522.876.592
- Chi phí	393.968.870	1.211.753.618	166.732.556	363.639.163
- Lợi nhuận	50.538.705	109.223.715	59.512.336	159.237.429
Hoạt động bán hàng				
- Doanh thu	17.188.964.203	29.325.341.248	778.470.382	8.794.320.746
- Chi phí	17.020.242.269	27.511.350.177	841.716.564	8.789.063.767
- Lợi nhuận	168.721.934	1.813.991.071	(63.246.182)	5.256.979
Hoạt động tài chính				
- Doanh thu tài chính	1.556.641.250	6.444.144.057	2.831.725.884	9.296.864.171
- Chi phí tài chính	9.347.557.503	21.786.257.672	2.790.709.701	8.139.726.037
- Lợi nhuận	(7.790.916.253)	(15.342.113.615)	41.016.183	1.157.138.134
Hoạt động khác				
- Thu nhập hoạt động khác	54.136.341	107.542.830.375	742	155.672.259
- Chi phí hoạt động khác	465.588.835	522.194.318	92.330.635	294.347.635
- Lợi nhuận hoạt động khác	(411.452.494)	107.020.636.057	(92.329.893)	(138.675.376)

Phê duyệt ngày 10 tháng 10 năm 2026

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

THEO PHÁP LUẬT

Nguyễn Bảo Ngọc

Trần Thị Thanh Hương

Đương Ngọc Tú